TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-02-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thức và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Ông Từ Quốc Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28/02/2023, tại Phòng xử án, Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/01/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1990 – Có mặt

Địa chỉ thường trú: Thôn X, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ tạm trú: Khu phố M, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Anh Hải Hồng T, sinh năm 1992 - Vắng mặt

Địa chỉ: Số N, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị D bày có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hải Hồng T sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ngày 05/6/2016. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2017, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi nhau các vấn đề trong cuộc sống, bất đồng quan điểm do anh T hay chơi không lo làm ăn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên chị về nhà cha mẹ đẻ sinh sống, chị và anh T đã sống ly thân. Nay chị nhận thấy nên tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 02 người con chung là cháu Hoàng Thị Nhật L, sinh ngày 14/02/2017 và cháu Hải Hoàng Nhật V, sinh ngày 11/10/2014 khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị D nuôi đến khi đủ tuổi thành niên, giao cháu V cho anh T nuôi đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hải Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng không có ý kiến, không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án*: Ngày 21/10/2022, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và đơn trình bày ý kiến về việc không lựa chọn hòa giải và không lựa chọn hòa giải viên; ngày 26/10/2022 Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày 28/10/2022 nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí; ngày 01/11/2022 nguyên đơn nộp biên lai thu tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về trình tự thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Hải Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ngày 05/6/2016. Sau khi kết hôn chị D và anh T sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, do bất đồng quan điểm sống, hiện nay chị D và anh T đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị D và anh T thì địa phương xác định: Về tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T đã sống ly thân, chị D đã về nhà cha mẹ đẻ sinh sống.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho chị D ly hôn anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị D và anh T có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Nhật L, sinh ngày 14/02/2017 và cháu Hải Hoàng Nhật V, sinh ngày 11/10/2014; khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là cháu L và giao cháu V cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên. Hiện tại, cháu L đang sinh sống cùng chị D và cháu V đang sinh sống cùng anh T và mẹ anh T.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyện vọng của chị D là chính đáng, cháu L là còn nhỏ nên cần có mẹ chăm sóc, giáo dục. Đối với cháu V, từ nhỏ đến nay sinh sống với anh T; cháu V cũng có nguyện vọng ở với anh T, mặt khác chị D đề nghị giao cháu V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, giao cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L; giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên là phù hợp Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4.4] Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Hải Hồng T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Thị Nhật L, sinh ngày 14/02/2017 cho chị Hoàng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Hải Hoàng Nhật V, sinh ngày 11/10/2014 cho anh Hải Hồng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên.

Chị Hoàng Thị D và anh Hải Hồng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Thị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Hoàng Thị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0018259 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B. Chị Hoàng Thị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã B;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Văn Khanh